

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 02/8/2017

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

,TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đắc Thắng;
2. Bà Hoàng Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Liệu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2017 về việc “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Trần Thị Xuân T, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. (có mặt)
2. *Bị đơn:* anh Trần Nguyên H, sinh năm 1969;
Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 3 năm 2017, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh H tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/6/1999, tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H bài bạc, vay mượn nợ tiền bên ngoài nhiều, sau đó không có tiền trả nợ, người ta đến đòi nợ nhiều lần. Trong cuộc sống anh H không đưa tiền cho vợ nuôi con mà còn phá tán tài sản. Chị

đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H vẫn không sửa đổi, một mình chị phải lo toan mọi việc trong gia đình và trả nợ cho anh H. Từ tháng 3/2017 đến nay vợ chồng chị sống ly thân (do có người đến đòi nợ nhiều nên chị và con sợ phải đi ở chỗ khác). Nay không thể chịu đựng thêm được nữa chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trần Xuân K, sinh ngày 28/9/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 16/4/2009. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Vì từ trước tới nay con vẫn ở với chị, chị vẫn nuôi con tốt.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Nguyên H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 1999, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nợ nần, dẫn tới việc chị T sống ly thân với anh từ tháng 3/2017 đến nay, còn bản thân anh vẫn có trách nhiệm với vợ con, vẫn muốn gia đình đoàn tụ để nuôi dạy con cái trưởng thành. Anh đã động viên nhiều mà chị T vẫn không về, vẫn kiên quyết ly hôn. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ thương con.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Xuân K, sinh ngày 28/9/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 16/4/2009. Nếu Ly hôn tùy theo nguyện vọng của hai con muốn ở với ai thì người đó nuôi. Nếu chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý, anh sẽ có trách nhiệm riêng với con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: anh H và chị T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh H không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Nguyên H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn HĐXX thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tìm hiểu đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/6/1999 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Như vậy, chị T và anh H đã xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Trong cuộc sống chung, thời gian đầu anh H và chị T chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị T cho rằng anh H thường xuyên

vay nợ bên ngoài để cờ bạc, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, mặc dù hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần và tạo điều kiện cho mượn tiền để trả nợ, nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ tháng 3 năm 2017 chị đã sống ly thân với anh H. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Còn anh H cũng thừa nhận vợ chồng anh mâu thuẫn do anh nợ nần nhiều, nhưng anh vẫn thương vợ thương con, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, do đó chị T yêu cầu giải quyết ly hôn anh không đồng ý. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật, anh H mong muốn về đoàn tụ, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để chị T và anh H về đoàn tụ với nhau, nhưng chị T vẫn khẳng định ly hôn. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nếu kéo dài cuộc sống chung đó sẽ không đem lại hạnh phúc, nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Trần Xuân K, sinh ngày 28/9/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 16/4/2009.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, còn anh H có ý kiến tùy theo nguyện vọng của hai con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu hai con có nguyện vọng được ở với chị T thì anh cũng đồng ý.

Tại bản tự khai của hai cháu Trần Xuân K và Trần Khánh L có tại hồ sơ vụ án thể hiện, trong trường hợp bố mẹ các cháu ly hôn, thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện tại hai cháu đang có cuộc sống ổn định với mẹ.

Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của chị T và các con thì Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao các con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- *Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử đều đảm bảo theo quy định của pháp luật; Về việc giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Trần Thị Xuân T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Xuân T được ly hôn với anh Trần Nguyên H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Xuân K, sinh ngày 28/9/2000 và Trần Khánh L, sinh ngày 16/4/2009 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung cho đến khi con thành niên, có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi sống mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Nguyên H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 0002xxx ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xem xét phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. C;
- UBND TT P;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Hòa

